

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
PHƯƠNG ĐÔNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2012**

**Đã được soát xét**

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012

---

## MỤC LỤC

|                                   | <u>TRANG</u> |
|-----------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC     | 2 - 4        |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT | 5            |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN              | 6 - 7        |
| KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH      | 8            |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ        | 9            |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH     | 10 - 24      |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 đã được soát xét.

#### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (tên giao dịch: Orient Securities Corporation) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 49/UBCK-GPHDKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

*Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các Quyết định điều chỉnh như sau:*

- Quyết định số 72/UBCK-GPĐCCTCK ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND;
- Quyết định số 100/UBCK-GPĐCCTCK ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.

Vào ngày 02 tháng 7 năm 2010, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD và chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Vốn điều lệ : 240.000.000.000 VND
- Trụ sở hoạt động  
Địa chỉ : 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (84 - 08) 39144290  
Fax : (84 - 08) 39142295  
Mã số thuế : 0304814339
- Hoạt động chính của Công ty: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

#### Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 6 đến trang 24).

#### Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

01/07/2012  
CÔNG TY  
CHỨNG KHOÁN  
PHƯƠNG ĐÔNG  
- TƯ  
VẤN  
- TÀI  
CHÍNH

7

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

---

### **Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

#### **Hội đồng Quản trị**

|                   |                        |
|-------------------|------------------------|
| Ông Phạm Linh     | Chủ tịch               |
| Ông Lâm Đạo Thảo  | Thành viên thường trực |
| Ông Võ Quang Long | Thành viên thường trực |
| Ông Tạ Phước Đạt  | Thành viên             |
| Ông Tề Trí Dũng   | Thành viên             |

#### **Ban Kiểm soát**

|                             |            |
|-----------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Trát Minh Phương | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Văn Phẩm         | Thành viên |
| Bà Trần Thị Kim Ánh         | Thành viên |

#### **Ban Tổng Giám đốc**

|                  |                     |
|------------------|---------------------|
| Ông Lâm Đạo Thảo | Quyền Tổng Giám đốc |
|------------------|---------------------|

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

#### **Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Phương Đông chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo nguồn vốn chủ sở hữu;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

Chúng tôi, Thành viên Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty 6 tháng đầu năm 2012, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



**LÂM ĐẠO THẢO – Q. Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2012

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số: 0020/2012/BCKQCTSX

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2012  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012, được lập ngày 26 tháng 7 năm 2012, từ trang 6 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công tác soát xét của Chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận về công tác soát xét**

Trên cơ sở soát xét toàn bộ Báo cáo tài chính, Chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2012



**VŨ THẾ HOÀNG - Giám đốc điều hành**  
*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0484/KTV*

**VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên**  
*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0832/KTV*

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietland

2012/07/26 NH TOA T

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN  | Mã số      | Thuyết minh | Số dư 30/6/2012        | Số dư 01/01/2012         |
|--|------------|-------------|------------------------|--------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                    | <b>100</b> |             | <b>616.392.749.521</b> | <b>1.279.842.901.775</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | <b>110</b> |             | <b>464.946.761.169</b> | <b>1.115.907.015.971</b> |
| Tiền   | 111        | V.1         | 464.946.761.169        | 1.115.907.015.971        |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | <b>120</b> | <b>V.3</b>  | <b>2.257.227.556</b>   | <b>5.467.843.395</b>     |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                             | 121        |             | 2.906.355.649          | 14.410.246.932           |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn           | 129        |             | (649.128.093)          | (8.942.403.537)          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b> | <b>V.4</b>  | <b>148.650.856.442</b> | <b>157.974.160.315</b>   |
| 1. Phải thu khách hàng                         | 131        |             | 8.753.693.190          | 6.144.063.800            |
| 2. Trả trước cho người bán                     | 132        |             | 106.076.900            | 172.606.363              |
| 3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán    | 134        |             | 9.230.979              | 16.044.883               |
| 4. Các khoản phải thu khác                     | 135        |             | 152.135.037.101        | 162.016.777.871          |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi          | 139        |             | (12.353.181.728)       | (10.375.332.602)         |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                        | <b>140</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>                 |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                | <b>150</b> |             | <b>537.904.354</b>     | <b>493.882.094</b>       |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                  | 151        | V.5         | 462.419.504            | 337.331.374              |
| 2. Tài sản ngắn hạn khác                       | 158        |             | 75.484.850             | 156.550.720              |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                     | <b>200</b> |             | <b>93.674.929.789</b>  | <b>92.941.289.657</b>    |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>           | <b>210</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>                 |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |             | <b>4.192.682.190</b>   | <b>3.975.250.263</b>     |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 221        | V.6         | 949.769.685            | 1.390.047.456            |
| Nguyên giá                                     | 222        |             | 8.094.179.954          | 8.202.458.018            |
| Giá trị hao mòn lũy kế                         | 223        |             | (7.144.410.269)        | (6.812.410.562)          |
| 2. Tài sản cố định vô hình                     | 227        | V.7         | 3.242.912.505          | 2.585.202.807            |
| Nguyên giá                                     | 228        |             | 5.733.385.064          | 4.556.209.064            |
| Giá trị hao mòn lũy kế                         | 229        |             | (2.490.472.559)        | (1.971.006.257)          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                | <b>240</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>                 |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>  | <b>250</b> | <b>V.3</b>  | <b>85.832.630.800</b>  | <b>85.407.610.000</b>    |
| 1. Đầu tư chứng khoán dài hạn                  | 253        |             | 112.554.502.773        | 112.554.502.773          |
| Chứng khoán sẵn sàng để bán                    | 254        |             | 112.554.502.773        | 112.554.502.773          |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn  | 259        |             | (26.721.871.973)       | (27.146.892.773)         |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>3.649.616.799</b>   | <b>3.558.429.394</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                   | 261        | V.8         | 650.607.239            | 803.072.700              |
| 2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán              | 263        | V.9         | 2.739.009.560          | 2.430.414.294            |
| 3. Tài sản dài hạn khác                        | 268        | V.10        | 260.000.000            | 324.942.400              |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                       | <b>270</b> |             | <b>710.067.679.310</b> | <b>1.372.784.191.432</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số dư 30/6/2012        | Số dư 01/01/2012         |
|--|------------|-------------|------------------------|--------------------------|
|  |            |             |                        |                          |
| <b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>                         | <b>300</b> |             | <b>512.655.590.852</b> | <b>1.175.501.152.201</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b> |             | <b>512.582.212.834</b> | <b>1.175.412.534.183</b> |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                          | 311        | V.11        | -                      | 18.208.294.194           |
| 2. Phải trả người bán                          | 312        |             | 3.730.860              | 15.000.000               |
| 3. Người mua trả tiền trước                    | 313        |             | 352.875.000            | 326.375.000              |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 314        | V.12        | 119.120.865            | 93.763.621               |
| 5. Phải trả người lao động                     | 315        |             | 14.220.885             | 371.370.751              |
| 6. Chi phí phải trả                            | 316        | V.13        | 236.268.486            | 318.139.737              |
| 7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán    | 320        | V.14        | 410.000.000.000        | 1.060.000.000.000        |
| 8. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu   | 321        | V.15        | 11.502.383.444         | 20.677.281               |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | 323        |             | 234.118                | 234.118                  |
| 10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 328        | V.16        | 90.353.379.176         | 96.058.679.481           |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |             | <b>73.378.018</b>      | <b>88.618.018</b>        |
| Dự phòng trợ cấp mất việc làm                  | 336        |             | 73.378.018             | 88.618.018               |
| <b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                | <b>400</b> |             | <b>197.412.088.458</b> | <b>197.283.039.231</b>   |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> | <b>V.17</b> | <b>197.412.088.458</b> | <b>197.283.039.231</b>   |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                   | 411        |             | 240.000.000.000        | 240.000.000.000          |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                        | 412        |             | 50.000.000.000         | 50.000.000.000           |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính                      | 418        |             | 1.047.890.198          | 1.047.890.198            |
| 4. Lỗ lũy kế                                   | 420        |             | (93.635.801.740)       | (93.764.850.967)         |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>                 |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>440</b> |             | <b>710.067.679.310</b> | <b>1.372.784.191.432</b> |

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| CHỈ TIÊU  | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|-------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |       |             |                        |                        |
| <b>Chứng khoán lưu ký</b>                                   |       |             | <b>870.817.280.000</b> | <b>901.820.050.000</b> |
| <b>Trong đó:</b>  |       |             |                        |                        |
| Chứng khoán giao dịch                                       |       |             | 650.321.800.000        | 617.314.110.000        |
| - Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký               |       |             | 13.338.360.000         | 12.382.250.000         |
| - Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước           |       |             | 635.909.580.000        | 603.858.180.000        |
| - Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài           |       |             | 1.073.860.000          | 1.073.680.000          |
| Chứng khoán tạm ngừng giao dịch                             |       |             | 220.495.480.000        | 284.505.940.000        |
| - Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký     |       |             | -                      | 3.725.520.000          |
| - Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước |       |             | 220.495.480.000        | 280.780.420.000        |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2012



**LÂM ĐẠO THAO**  
Q. Tổng Giám đốc

**NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG**  
Q. Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

6 tháng đầu năm 2012

(Có so sánh số liệu với 6 tháng đầu năm 2011)

|  |           |              |                       | Đơn vị tính: VND       |  |
|--|-----------|--------------|-----------------------|------------------------|--|
|  | Mã số     | Thuyết Minh  | 6 tháng đầu năm 2012  | 6 tháng đầu năm 2011   |  |
| <b>1. Doanh thu</b>                                      | <b>01</b> |              | <b>11.912.991.728</b> | <b>67.192.544.806</b>  |  |
| <b>Trong đó:</b>   |           |              |                       |                        |  |
| - Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán               | 01.1      |              | 1.342.210.806         | 3.442.716.719          |  |
| - Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn        | 01.2      |              | 3.120.698.703         | 4.004.121.744          |  |
| - Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán               | 10        |              | -                     | -                      |  |
| - Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán                 | 01.4      |              | -                     | 603.664.209            |  |
| - Doanh thu hoạt động tư vấn                             | 01.5      |              | 376.440.000           | 494.325.564            |  |
| - Doanh thu lưu ký chứng khoán                           |           |              | -                     | -                      |  |
| - Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá                    | 20        |              | -                     | -                      |  |
| - Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản                     |           |              | -                     | -                      |  |
| - Doanh thu khác   | 01.9      |              | 7.073.642.219         | 58.647.716.570         |  |
| <b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>                   | <b>02</b> |              | <b>467.968</b>        | <b>3.009.100</b>       |  |
| <b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>        | <b>10</b> | <b>VII.1</b> | <b>11.912.523.760</b> | <b>67.189.535.706</b>  |  |
| <b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>                   | <b>11</b> | <b>VII.2</b> | <b>1.753.221.022</b>  | <b>65.091.050.378</b>  |  |
| <b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>         | <b>20</b> |              | <b>10.159.302.738</b> | <b>2.098.485.328</b>   |  |
| <b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>                   | <b>25</b> | <b>VII.3</b> | <b>10.089.332.623</b> | <b>10.274.393.679</b>  |  |
| <b>7. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>   | <b>30</b> |              | <b>69.970.115</b>     | <b>(8.175.908.351)</b> |  |
| <b>8. Thu nhập khác</b>                                  | <b>31</b> |              | <b>60.477.012</b>     | <b>16.837.636</b>      |  |
| <b>9. Chi phí khác</b>                                   | <b>32</b> |              | <b>1.397.900</b>      | <b>-</b>               |  |
| <b>10. Lợi nhuận (lỗ) khác</b>                           | <b>40</b> |              | <b>59.079.112</b>     | <b>16.837.636</b>      |  |
| <b>11. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>        | <b>50</b> |              | <b>129.049.227</b>    | <b>(8.159.070.715)</b> |  |
| <b>12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>  | <b>51</b> |              | <b>-</b>              | <b>-</b>               |  |
| <b>13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>   | <b>52</b> |              | <b>-</b>              | <b>-</b>               |  |
| <b>14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> | <b>60</b> |              | <b>129.049.227</b>    | <b>(8.159.070.715)</b> |  |
| <b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                      | <b>70</b> |              | <b>5,38</b>           | <b>(340)</b>           |  |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2012



**LÂM ĐẠO THẢO**  
Q. Tổng Giám đốc

**NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG**  
Q. Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2012     | 6 tháng đầu năm 2011    |
|---|-------|-------------|--------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                           |       |             |                          |                         |
| Lợi nhuận (lỗ) trước thuế   | 01    |             | 129.049.227              | (8.159.070.715)         |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>  |       |             |                          |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định  | 02    |             | 959.744.073              | 1.037.956.322           |
| - Các khoản dự phòng  | 03    |             | (6.740.447.118)          | 7.418.548.956           |
| - Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                                 | 04    |             | (1.101.600)              | -                       |
| - Lãi từ hoạt động đầu tư   | 05    |             | (6.257.191.245)          | (10.657.628.019)        |
| - Chi phí lãi vay   | 06    |             | 578.119.779              | 47.690.484.240          |
| <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>        | 08    |             | <i>(11.331.826.884)</i>  | <i>37.330.290.784</i>   |
| - Giảm/(tăng) các khoản phải thu  | 09    |             | 6.891.881.351            | (1.172.883.313.640)     |
| - Tăng các khoản phải trả (không kể chi phí lãi vay phải trả)               | 11    |             | (658.326.671.790)        | 1.312.248.377.553       |
| - Giảm/(tăng) chi phí trả trước   | 12    |             | 27.377.331               | 172.139.685             |
| - Tiền lãi vay đã trả   | 13    |             | (906.945.029)            | (27.347.766.546)        |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                     | 15    |             | 990.385.047.010          | 3.839.594.714.490       |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                    | 16    |             | (976.074.729.125)        | (3.866.114.495.687)     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                        | 20    |             | <b>(649.335.867.136)</b> | <b>122.999.946.639</b>  |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                              |       |             |                          |                         |
| - Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21    |             | (1.177.176.000)          | (57.010.909)            |
| - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác         |       |             | 32.563.636               | -                       |
| - Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác                               | 25    |             | (5.174.940.000)          | (28.500.019.280)        |
| - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác                           | 26    |             | 16.678.831.283           | 31.537.272.091          |
| - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                       | 27    |             | 6.224.627.609            | 10.657.628.019          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                            | 30    |             | <b>16.583.906.528</b>    | <b>13.637.869.921</b>   |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                          |       |             |                          |                         |
| - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                                      | 33    |             | 6.000.000.000            | 153.305.227.777         |
| - Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34    |             | (24.208.294.194)         | (203.531.005.555)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                         | 40    |             | <b>(18.208.294.194)</b>  | <b>(50.225.777.778)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                      | 50    |             | <b>(650.960.254.802)</b> | <b>86.412.038.782</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                     | 60    |             | <b>1.115.907.015.971</b> | <b>33.368.980.108</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                     | 61    |             | -                        | -                       |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                    | 70    | VI.1        | <b>464.946.761.169</b>   | <b>119.781.018.890</b>  |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2012



**LÂM ĐẠO THẢO**  
Q. Tổng Giám đốc

**NGUYỄN THỊ LÊ TÙNG**  
Q. Kế toán trưởng

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt là "Công ty").

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 thuộc năm tài chính thứ 6 của Công ty.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán", Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp" và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008".

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam: Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh theo yêu cầu của Thông tư này tại các Thuyết minh VIII.2



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2012

---

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3. Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ ngắn hạn và dài hạn.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2012

---

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

### 6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong vòng 1 năm.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

#### *Nguyên tắc đánh giá*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

#### *Phương pháp khấu hao áp dụng*

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

| <b><u>Nhóm TSCĐ hữu hình</u></b> | <b><u>Số năm khấu hao</u></b> |
|----------------------------------|-------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc           | 3                             |
| Máy móc thiết bị                 | 3 - 5                         |
| Phương tiện vận tải              | 8                             |
| TSCĐ khác                        | 3                             |

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán,.. vào sử dụng. Các phần mềm được khấu hao từ 3 đến 5 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2012

---

### **9. Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

#### ***Đầu tư ngắn hạn***

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các chứng khoán thương mại có thời hạn nắm giữ dưới 12 tháng được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn là giá mua trên thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được lập khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

#### ***Đầu tư chứng khoán dài hạn***

Đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các khoản khoản đầu tư có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được lập khi có giá trị sụt giảm giá trị lâu dài tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

### **10. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ từ 2 đến 5 năm.

### **11. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### **12. Nguồn vốn, quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### ***Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán***

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

#### ***Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán***



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2012

---

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân chứng khoán.

### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

### *Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức độ có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### **14. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra**

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền theo từng lần nhập, xuất để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

#### **15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

#### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2012

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| <b>1. Tiền</b>                                       | <b>Đơn vị tính: VND</b>       |                                 |
|--|-------------------------------|---------------------------------|
|  | <u>Số dư 30/6/2012</u>        | <u>Số dư 01/01/2012</u>         |
| (a) <b>Tiền mặt</b>                                  | <b>290.645.595</b>            | <b>1.814.225</b>                |
| Tiền mặt   | 290.645.595                   | 1.814.225                       |
| (b) <b>Tiền gửi ngân hàng</b>                        | <b>464.656.115.574</b>        | <b>1.115.905.201.746</b>        |
| Tiền gửi của Công ty (*)                             | 442.715.109.773               | 1.107.275.813.830               |
| Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán | <u>21.941.005.801</u>         | <u>8.629.387.916</u>            |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>464.946.761.169</u></b> | <b><u>1.115.907.015.971</u></b> |

(\*) Trong số tiền gửi của Công ty tại các ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 bao gồm 410.000.000.000 VND, số tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đang tạm ngưng giao dịch, số tiền này Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các hợp đồng môi giới mua chứng khoán (xem Thuyết minh số V.14). Công ty chưa dự thu lãi cho khoản tiền gửi này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ**

|                                | <u>Khối lượng</u>        | <u>Giá trị</u>                |
|--------------------------------|--------------------------|-------------------------------|
| <i>Của Công ty chứng khoán</i> | <b>1.118.350</b>         | <b>14.863.326.000</b>         |
| Cổ phiếu                       | 1.118.350                | 14.863.326.000                |
| <i>Của nhà đầu tư</i>          | <b>68.354.916</b>        | <b>681.032.972.600</b>        |
| Cổ phiếu                       | <u>68.354.916</u>        | <u>681.032.972.600</u>        |
| <b>Cộng</b>                    | <b><u>69.473.266</u></b> | <b><u>695.896.298.600</u></b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2012

**3. Các khoản đầu tư tài chính**

|                             | Số lượng           |                     | Giá trị theo sổ sách kế toán |                        | Giảm so với giá thị trường |                         | Tổng giá trị theo giá thị trường |                       |
|-----------------------------|--------------------|---------------------|------------------------------|------------------------|----------------------------|-------------------------|----------------------------------|-----------------------|
|                             | Số dư<br>30/6/2012 | Số dư<br>01/01/2012 | Số dư<br>30/6/2012           | Số dư<br>01/01/2012    | Số dư<br>30/6/2012         | Số dư<br>01/01/2012     | Số dư<br>30/6/2012               | Số dư<br>01/01/2012   |
| Chứng khoán thương mại      | 223.287            | 501.537             | 2.906.355.649                | 14.410.246.932         | (649.128.093)              | (8.942.403.537)         | 2.257.227.556                    | 5.467.843.395         |
| Trái phiếu                  | -                  | -                   | -                            | -                      | -                          | -                       | -                                | -                     |
| Chứng khoán đầu tư          | 4.826.076          | 4.635.739           | 112.554.502.773              | 112.554.502.773        | (26.721.871.973)           | (27.146.892.773)        | 85.832.630.800                   | 85.407.610.000        |
| Chứng khoán sẵn sàng để bán | 4.826.076          | 4.635.739           | 112.554.502.773              | 112.554.502.773        | (26.721.871.973)           | (27.146.892.773)        | 85.832.630.800                   | 85.407.610.000        |
| <b>Cộng</b>                 | <b>5.049.363</b>   | <b>5.137.276</b>    | <b>115.460.858.422</b>       | <b>126.964.749.705</b> | <b>(27.371.000.066)</b>    | <b>(36.089.296.310)</b> | <b>88.089.858.356</b>            | <b>90.875.453.395</b> |

**4. Các khoản phải thu ngắn hạn**

| Stt | Chi tiêu  | Số dư 01/01/2012       |                       | Số phát sinh trong kỳ |                        | Số dư 30/6/2012        |                        | Số dư phòng<br>đã lập   |
|-----|---|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|
|     |   | Tổng số                | Số quá hạn            | Số khó<br>đòi         | Tăng                   | Giảm                   | Tổng số                |                         |
| 1   | Phải thu khách hàng                                 | 6.144.063.800          | -                     | -                     | 3.872.251.929          | 1.262.622.539          | 8.753.693.190          | -                       |
| 2   | Trả trước cho người bán                             | 172.606.363            | -                     | -                     | 1.092.327.622          | 1.158.857.085          | 106.076.900            | -                       |
| 3   | Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán            | 16.044.883             | -                     | -                     | 1.560.334.807          | 1.567.148.711          | 9.230.979              | -                       |
|     | <i>Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán</i> | <i>16.044.883</i>      | <i>-</i>              | <i>-</i>              | <i>1.560.334.807</i>   | <i>1.567.148.711</i>   | <i>9.230.979</i>       | <i>-</i>                |
| 4   | Thuế GTGT được khấu trừ                             | -                      | -                     | -                     | 317.570.368            | 317.570.368            | -                      | -                       |
| 5   | Các khoản phải thu khác                             | 162.016.777.871        | 34.584.442.006        | -                     | 137.931.719.137        | 147.813.459.907        | 152.135.037.101        | 43.354.440.481          |
|     | <b>Cộng</b>   | <b>168.349.492.917</b> | <b>34.584.442.006</b> | <b>-</b>              | <b>144.774.203.863</b> | <b>152,119,658,610</b> | <b>161,004,038,170</b> | <b>43,354,440,481</b>   |
|     |   |                        |                       |                       |                        |                        |                        | <b>12,353,181,728</b>   |
|     |   |                        |                       |                       |                        |                        |                        | <b>- 12,353,181,728</b> |

12/06/2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2012

**5. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                  | Số dư<br>01/01/2012 | Tăng trong kỳ      | Kết chuyển chi<br>phí trong kỳ | Số dư 30/6/2012    |
|------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 9.769.996           | -                  | 7.327.500                      | 2.442.496          |
| Chi phí khác     | 327.561.378         | 832.575.030        | 700.159.400                    | 459.977.008        |
| <b>Cộng</b>      | <b>337.331.374</b>  | <b>832.575.030</b> | <b>707.486.900</b>             | <b>462.419.504</b> |

**6. Tài sản cố định hữu hình**

| Chỉ tiêu                          | Nhà cửa, vật kiến<br>trúc | Máy móc<br>thiết bị  | Phương tiện<br>vận tải | TSCĐ khác         | Cộng                 |
|-----------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|-------------------|----------------------|
| <b>I. Nguyên giá</b>              |                           |                      |                        |                   |                      |
| 1. Số dư 01/01/2012               | 66.260.000                | 6.948.262.382        | 1.158.247.636          | 29.688.000        | 8.202.458.018        |
| 2. Tăng trong kỳ                  | -                         | -                    | -                      | -                 | -                    |
| 3. Giảm trong kỳ                  |                           | 108.278.064          | -                      | -                 | 108.278.064          |
| <b>4. Số dư 30/6/2012</b>         | <b>66.260.000</b>         | <b>6.839.984.318</b> | <b>1.158.247.636</b>   | <b>29.688.000</b> | <b>8.094.179.954</b> |
| <b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                           |                      |                        |                   |                      |
| 1. Số dư 01/01/2012               | 66.260.000                | 6.121.641.683        | 594.820.879            | 29.688.000        | 6.812.410.562        |
| 2. Tăng trong năm                 | -                         | 367.903.767          | 72.374.004             | -                 | 440.277.771          |
| 3. Giảm trong năm                 | -                         | 108.278.064          | -                      | -                 | 108.278.064          |
| <b>4. Số dư 30/6/2012</b>         | <b>66.260.000</b>         | <b>6.381.267.386</b> | <b>667.194.883</b>     | <b>29.688.000</b> | <b>7.144.410.269</b> |
| <b>III. Giá trị còn lại</b>       |                           |                      |                        |                   |                      |
| 1. Số dư 01/01/2012               | -                         | 826.620.699          | 563.426.757            | -                 | 1.390.047.456        |
| <b>2. Số dư 30/6/2012</b>         | <b>-</b>                  | <b>458.716.932</b>   | <b>491.052.753</b>     | <b>-</b>          | <b>949.769.685</b>   |

**7. Tài sản cố định vô hình**

| Chỉ tiêu                          | Phần mềm giao<br>dịch, kế toán |
|-----------------------------------|--------------------------------|
| <b>I. Nguyên giá</b>              |                                |
| 1. Số dư 01/01/2012               | 4.556.209.064                  |
| 2. Tăng trong kỳ                  | 1.177.176.000                  |
| 3. Giảm trong kỳ                  | -                              |
| <b>4. Số dư 30/6/2012</b>         | <b>5.733.385.064</b>           |
| <b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                                |
| 1. Số dư 01/01/2012               | 1.971.006.257                  |
| 2. Tăng trong kỳ                  | 519.466.302                    |
| 3. Giảm trong kỳ                  | -                              |
| <b>4. Số dư 30/6/2012</b>         | <b>2.490.472.559</b>           |
| <b>III. Giá trị còn lại</b>       |                                |
| 1. Số dư 01/01/2012               | 2.585.202.807                  |
| <b>2. Số dư 30/6/2012</b>         | <b>3.242.912.505</b>           |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2012

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

|                  | Số dư<br>01/01/2012 | Tăng trong kỳ      | Kết chuyển chi<br>phí trong kỳ | Số dư 30/6/2012    |
|------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 327.037.660         | -                  | 165.573.092                    | 161.464.568        |
| Chi phí khác     | 476.035.040         | 217.454.549        | 204.346.918                    | 489.142.671        |
| <b>Cộng</b>      | <b>803.072.700</b>  | <b>217.454.549</b> | <b>369.920.010</b>             | <b>650.607.239</b> |

**9. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán**

|                           | Số dư 30/6/2012      | Số dư 01/01/2012     |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền nộp ban đầu          | 120.000.000          | 120.000.000          |
| Tiền nộp bổ sung          | 2.405.654.663        | 2.240.777.202        |
| Tiền lãi phân bổ trong kỳ | 213.354.897          | 69.637.092           |
| <b>Cộng</b>               | <b>2.739.009.560</b> | <b>2.430.414.294</b> |

**10. Tài sản dài hạn khác**

|   |                    |                    |
|---|--------------------|--------------------|
| Các khoản ký quỹ thuê văn phòng, thuê nhà | 260.000.000        | 324.942.400        |
| <b>Cộng</b>                               | <b>260.000.000</b> | <b>324.942.400</b> |

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

|                        | Lãi suất  | Số dư<br>01/01/2012   | Số vay trong kỳ      | Số trả trong kỳ       | Số dư 30/6/2012 |
|------------------------|-----------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 19,5%     | 16.500.000.000        | 6.000.000.000        | 22.500.000.000        | -               |
| Vay ngắn hạn cá nhân   | 17% - 19% | 1.708.294.194         | -                    | 1.708.294.194         | -               |
| <b>Cộng</b>            |           | <b>18.208.294.194</b> | <b>6.000.000.000</b> | <b>24.208.294.194</b> | <b>-</b>        |

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| Stt | Chi tiêu                | Số dư<br>01/01/2012 | Số phải nộp        | Số đã nộp          | Số dư<br>30/6/2012 |
|-----|-------------------------|---------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| 1   | Thuế GTGT hàng nội địa  | 3.839.676           | 14.960.023         | 11.008.790         | 7.790.909          |
| 2   | Các loại thuế khác      | 89.923.945          | 564.320.656        | 542.914.645        | 111.329.956        |
|     | - Thuế môn bài          | -                   | 6.000.000          | 6.000.000          | -                  |
|     | - Thuế thu nhập cá nhân | 89.923.945          | 560.320.656        | 538.914.645        | 111.329.956        |
|     | <b>Cộng</b>             | <b>93.763.621</b>   | <b>581.280.679</b> | <b>555.923.435</b> | <b>119.120.865</b> |

• **Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng:
  - + Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
  - + Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định hiện hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2012

**13. Chi phí phải trả**

|                            | <u>Số dư 30/6/2012</u>    | <u>Số dư 01/01/2012</u>   |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Phí kiểm toán              | 32.500.002                | 55.000.000                |
| Chi phí thuê nhà           | 106.496.364               | 124.135.272               |
| Chi phí hoa hồng, môi giới | 1.448.912                 | 15.163.356                |
| Các chi phí khác           | 95.823.208                | 123.841.109               |
| <b>Cộng</b>                | <b><u>236.268.486</u></b> | <b><u>318.139.737</u></b> |

**14. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

|                                    |                               |                                 |
|------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| Phải trả tổ chức, cá nhân khác (*) | 410.000.000.000               | 1.060.000.000.000               |
| <b>Cộng</b>                        | <b><u>410.000.000.000</u></b> | <b><u>1.060.000.000.000</u></b> |

(\*) Khoản phải trả cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong tiền thực hiện hợp đồng môi giới mua chứng khoán, khoản tiền này được gửi vào Ngân hàng TMCP Công thương và đang tạm ngừng giao dịch (xem Thuyết minh số V.1). Công ty chưa dự chi lãi cho khoản phải trả này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**15. Phải trả hệ cổ tức**

|   |                              |                          |
|---|------------------------------|--------------------------|
| Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 11.482.870.944               | 1.164.781                |
| Phải trả cổ tức cho cổ đông               | 19.512.500                   | 19.512.500               |
| <b>Cộng</b>                               | <b><u>11.502.383.444</u></b> | <b><u>20.677.281</u></b> |

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

|   |                              |                              |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Kinh phí công đoàn</i>                           | -                            | -                            |
| <i>Bảo hiểm xã hội</i>                              | 4.644.619                    | -                            |
| <i>Bảo hiểm y tế</i>                                | 1.101.150                    | 4.193.950                    |
| <i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>                         | -                            | 174.801                      |
| <i>Các khoản phải trả khác</i>                      | 63.336.779.606               | 83.061.686.814               |
| Phải trả lãi vay vốn                                | 11.094.978.107               | 11.409.803.357               |
| Phải trả lãi tiền gửi nhà đầu tư                    | -                            | 14.000.000                   |
| Phải trả vốn cho các Công ty                        | 50.000.000.000               | 70.000.000.000               |
| Các khoản phải trả khác                             | 2.241.801.499                | 1.637.883.457                |
| <i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư</i> | 27.010.853.801               | 12.992.623.916               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>90.353.379.176</u></b> | <b><u>96.058.679.481</u></b> |

**17. Vốn chủ sở hữu**

|                                | <u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> | <u>Thặng dư vốn cổ phần</u>  | <u>Quỹ dự phòng tài chính</u> | <u>Lỗ lũy kế</u>               | <u>Cộng</u>                   |
|--------------------------------|----------------------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| Số dư 01/01/2012               | 240.000.000.000                  | 50.000.000.000               | 1.047.890.198                 | (93.764.850.967)               | 197.283.039.231               |
| Lãi trong 6 tháng đầu năm 2012 | -                                | -                            | -                             | 129.049.227                    | 129.049.227                   |
| <b>Số dư 30/6/2012</b>         | <b><u>240.000.000.000</u></b>    | <b><u>50.000.000.000</u></b> | <b><u>1.047.890.198</u></b>   | <b><u>(93.635.801.740)</u></b> | <b><u>197.412.088.458</u></b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2012

**Cổ phiếu**

|  | <u>Số dư 30/6/2012</u> | <u>Số dư 01/01/2012</u> |
|--|------------------------|-------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 24.000.000             | 24.000.000              |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 24.000.000             | 24.000.000              |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 24.000.000             | 24.000.000              |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               | -                      | -                       |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -                      | -                       |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | -                      | -                       |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               | -                      | -                       |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 24.000.000             | 24.000.000              |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 24.000.000             | 24.000.000              |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               | -                      | -                       |
| Mệnh giá cổ phiếu (VND)                | <u>10.000</u>          | <u>10.000</u>           |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu**

|   | <u>6 tháng đầu năm 2012</u>  | <u>6 tháng đầu năm 2011</u>  |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán        | 1.342.210.806                | 3.442.716.719                |
| Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán          | 3.120.698.703                | 603.664.209                  |
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | -                            | 4.004.121.744                |
| Doanh thu hoạt động tư vấn chứng khoán          | 376.440.000                  | 494.325.564                  |
| Doanh thu khác                                  | 7.073.642.219                | 58.647.716.570               |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>11.912.991.728</b>        | <b>67.192.544.806</b>        |
| Khoản giảm trừ doanh thu                        | (467.968)                    | (3.009.100)                  |
| <b>Doanh thu thuần</b>                          | <b><u>11.912.523.760</u></b> | <b><u>67.189.535.706</u></b> |

**2. Chi phí hoạt động kinh doanh**

|   |                             |                              |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán            | 2.242.935.670               | 4.389.699.988                |
| Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn     | 7.341.265.482               | 5.012.253.579                |
| Chi phí hoạt động tư vấn chứng khoán              | -                           | 212.557.644                  |
| Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán              | 295.246.335                 | 367.505.971                  |
| Chi phí (hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán | (8.718.296.244)             | 7.418.548.956                |
| Chi phí khác                                      | 592.069.779                 | 47.690.484.240               |
| <b>Cộng</b>                                       | <b><u>1.753.221.022</u></b> | <b><u>65.091.050.378</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2012

**3. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                           | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2012</b> | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2011</b> |
|---------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 2.987.463.159                   | 3.527.435.142                   |
| Chi phí vật liệu quản lý  | 33.173.419                      | 128.978.523                     |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 340.816.771                     | 495.897.653                     |
| Chi phí khấu hao          | 959.744.073                     | 1.040.176.322                   |
| Thuế, phí và lệ phí       | 6.000.000                       | 8.500.000                       |
| Chi phí dự phòng          | 1.977.849.126                   | -                               |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.221.060.089                   | 3.772.522.644                   |
| Chi phí bằng tiền khác    | 563.225.986                     | 1.300.883.395                   |
| <b>Cộng</b>               | <b>10.089.332.623</b>           | <b>10.274.393.679</b>           |

**4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|  |             |                 |
|--|-------------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế   | 129.049.227 | (8.159.070.715) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu thông:                 | -           | -               |
| - <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>  | -           | -               |
| - <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i> | -           | -               |
| - <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i> | -           | -               |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông  | 129.049.227 | (8.159.070.715) |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ  | 24.000.000  | 24.000.000      |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>  | <b>5,38</b> | <b>(340)</b>    |

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng:

|   | <b>Số dư 30/6/2012</b> | <b>Số dư 01/01/2012</b> |
|---|------------------------|-------------------------|
| Các khoản tiền nhận ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán | 21.941.005.801         | 8.629.387.916           |

105  
 ĐN  
 NH  
 TỐ  
 ÁT  
 TT

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2012

---

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Số dư 30/6/2012

*Hội đồng quản trị*

Tiền lương

166.000.000

**2. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 6 tháng đầu năm 2012

**Các loại công cụ tài chính**

|   | Giá trị số sách        |                          | Giá trị dự phòng        |                         | Giá trị hợp lý         |                          |
|---|------------------------|--------------------------|-------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|
|   | Số dư 30/6/2012        | Số dư 01/01/2012         | Số dư 30/6/2012         | Số dư 01/01/2012        | Số dư 30/6/2012        | Số dư 01/01/2012         |
| <b>Tài sản tài chính</b>                  |                        |                          |                         |                         |                        |                          |
| Tiền và các khoản tương đương tiền        | 443.005.755.368        | 1.107.277.628.055        | -                       | -                       | 443.005.755.368        | 1.107.277.628.055        |
| Đầu tư ngắn hạn                           | 2.906.355.649          | 14.410.246.932           | (649.128.093)           | (8.942.403.537)         | 2.257.227.556          | 5.467.843.395            |
| Phải thu khách hàng                       | 8.753.693.190          | 6.144.063.800            | -                       | -                       | 8.753.693.190          | 6.144.063.800            |
| Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán  | 9.230.979              | 16.044.883               | -                       | -                       | 9.230.979              | 16.044.883               |
| Các khoản phải thu khác                   | 152.135.037.101        | 162.016.777.871          | (12.353.181.728)        | (10.375.332.602)        | 139.781.855.373        | 151.641.445.269          |
| Đầu tư dài hạn                            | 85.832.630.800         | 85.407.610.000           | -                       | -                       | 85.832.630.800         | 85.407.610.000           |
| Ký quỹ dài hạn                            | 260.000.000            | 324.942.400              | -                       | -                       | 260.000.000            | 324.942.400              |
| <b>Cộng</b>                               | <b>692.902.703.087</b> | <b>1.375.597.313.941</b> | <b>(13.002.309.821)</b> | <b>(19.317.736.139)</b> | <b>679.900.393.266</b> | <b>1.356.279.577.802</b> |
| <b>Nợ phải trả tài chính (*)</b>          |                        |                          |                         |                         |                        |                          |
| Vay và nợ                                 | -                      | 18.208.294.194           | -                       | -                       | -                      | 18.208.294.194           |
| Phải trả cho người bán                    | 3.730.860              | 15.000.000               | -                       | -                       | 3.730.860              | 15.000.000               |
| Chi phí phải trả                          | 236.268.486            | 318.139.737              | -                       | -                       | 236.268.486            | 318.139.737              |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán  | 410.000.000.000        | 1.060.000.000.000        | -                       | -                       | 410.000.000.000        | 1.060.000.000.000        |
| Phải trả hộ có tức, gốc và lãi trái phiếu | 11.502.383.444         | 20.677.281               | -                       | -                       | 11.502.383.444         | 20.677.281               |
| Các khoản phải trả khác                   | 90.353.379.176         | 96.058.679.481           | -                       | -                       | 90.353.379.176         | 96.058.679.481           |
| <b>Cộng</b>                               | <b>512.095.761.966</b> | <b>1.174.620.790.693</b> | <b>-</b>                | <b>-</b>                | <b>512.095.761.966</b> | <b>1.174.620.790.693</b> |

(\*) Giá trị hợp lý của những khoản mục này được trình bày theo giá trị ghi sổ do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

102  
 CÔNG  
 ÁCH  
 EM T  
 D  
 /VT

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2012

---

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tính dụng và rủi ro thanh khoản.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2012



**LÂM ĐẠO THẢO**  
Q. Tổng Giám đốc

**NGUYỄN THỊ LÊ TÙNG**  
Q. Kế toán trưởng

H. H. H.

H. H. H.